Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9006.61.00

Mã HS	9006.61.00
Mô tả hàng hóa	Máy ảnh (trừ máy quay phim); thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh trừ đèn phóng điện thuộc nhóm 85.39 / - Thiết bị đèn chớp và đèn flash máy ảnh: / - - Thiết bị đèn flash loại dùng đèn phóng điện ("điện tử")
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	04/11/2026 20:05:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90066100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17973
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17973
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17973
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14	14%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17276
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17205
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17205
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17205
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17205
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17205
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17205
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E17261
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17261

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17261
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17261
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17261
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17261
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2,5	VJ!E17262
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	1	VJ!F17262
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17262
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17262
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17262
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17262
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17267
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17223
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17219
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17219
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17219
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17219
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17219
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17219
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17265
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17265
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17265
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17265
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17265
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17265
VCFTA	2022	2022	4	VC!D17327
VCFTA	2023	2023	2	VC!E17327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17327
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17327
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17327
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17327
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17303
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17303
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17303
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17303
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17303
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17303
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D17298
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E17298
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F17298
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G17298
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H17298
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17298
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D17328
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17328
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17328
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17328
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17328
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17328
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D17327
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17327
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17327
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17327

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17327
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17327
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17421
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17421
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17421
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17421
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17421
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17421
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17421
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D17290
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E17290
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F17290
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G17290
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H17290
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I17290
RCEP B	2022	2022	18	B!D17290
RCEP B	2023	2023	16	B!E17290
RCEP B	2024	2024	14	B!F17290
RCEP B	2025	2025	12	B!G17290
RCEP B	2026	2026	10	B!H17290
RCEP B	2027	2027	8	B!I17290
RCEP C	2022	2022	18	C!D17288
RCEP C	2023	2023	16	C!E17288
RCEP C	2024	2024	14	C!F17288
RCEP C	2025	2025	12	C!G17288
RCEP C	2026	2026	10	C!H17288

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I17288
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D17287
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E17287
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F17287
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G17287
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H17287
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I17287
RCEP E	2022	2022	18	E!D17291
RCEP E	2023	2023	16	E!E17291
RCEP E	2024	2024	14	E!F17291
RCEP E	2025	2025	12	E!G17291
RCEP E	2026	2026	10	E!H17291
RCEP E	2027	2027	8	E!I17291
RCEP F	2022	2022	18	F!D17290
RCEP F	2023	2023	16	F!E17290
RCEP F	2024	2024	14	F!F17290
RCEP F	2025	2025	12	F!G17290
RCEP F	2026	2026	10	F!H17290
RCEP F	2027	2027	8	F!I17290
VIFTA	2024	2024	18	VI!F16215
VIFTA	2025	2025	16	VI!G16215
VIFTA	2026	2026	14	VI!H16215
VIFTA	2027	2027	12	VI!I16215

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9006.61.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 9006.61.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17973), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.